

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH T GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-ST

Ngày: 19-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH T GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh T Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh T Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 134/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thái Tr, sinh năm 1964
2. Bà Phan Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T .

- Bị đơn:

1. Ông Phan Minh T, sinh năm 1954;
2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T.

Ông Tr, bà N có mặt, ông T, bà S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/3/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tr, bà N trình bày: Vào ngày 11/7/2015,

ông bà có cho ông T và bà S vay số tiền 210.000.000 đồng, hẹn đến ngày 11/7/2016 nhận T đền bù của dự án đường cao tốc sẽ trả lại. Do dự án đường cao tốc kéo dài gần đến hai năm nhưng khi có tiền đền bù thì ông T và bà S chỉ trả cho ông bà được 50.000.000 đồng, còn lại 160.000.000 đồng ông T và bà S kéo dài cho đến nay vẫn không trả cho ông bà. Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu ông T và bà S trả ngay số tiền 160.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông T, bà S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông T, bà S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông Tr, bà N, thấy rằng: Tại giấy có nội dung nhận nợ ngày 11/7/2015, ông T và bà S thừa nhận có vay của ông Tr, bà N 210.000.000 đồng và ông T và bà S có ký tên. Tại biên bản hòa giải ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, ông Tr bà N xác định ông T, bà S đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 160.000.000 đồng và được ông T và bà S thừa nhận. Việc ông T, bà S thừa nhận còn nợ ông Tr, bà N 160.000.000 đồng phù hợp với yêu cầu khởi kiện của ông Tr bà N. Mặt khác, ông T, bà S không phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Tr, bà N nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr, bà N. Buộc ông T, bà S phải có nghĩa vụ trả ngay cho ông Tr, bà N số tiền 160.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông T, bà S phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái Tr và bà Phan Thị N.
2. Buộc ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả ngay cho ông Nguyễn Thái Tr và bà Phan Thị N số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).
3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Tr, bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà S chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số T chậm thi hành án.
4. Về án phí: Ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị S phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thái Tr và bà Phan Thị N 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 15468 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh T Giang.

5. Ông Tr và bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông T và bà S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức